

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO
Kết quả sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017,
nhiệm vụ và giải pháp niên vụ 2017- 2018

Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Công ty CP mía đường Sơn Dương. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017, cụ thể như sau:

I. Kết quả tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch niên vụ 2016-2017

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Chỉ đạo chung

Thực hiện công tác phát triển vùng nguyên liệu mía đường của tỉnh, các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất mía nguyên liệu năm 2017 các cấp, ngành đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ; công tác kiểm tra, đôn đốc giám sát được thực hiện thường xuyên.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Sở, Ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện công tác tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân tập trung sản xuất và tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu mía trên địa bàn tỉnh. Theo dõi sát tiến độ thu hoạch, trồng, chăm sóc mía và kịp thời phát hiện, chỉ đạo các giải pháp tháo gỡ khó khăn.

Trong điều kiện thời tiết khô hạn kéo dài ở cuối vụ thu hoạch, mía nguyên liệu tại các huyện Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn tồn nhiều, tiến độ trồng mới, trồng lại chậm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã kịp thời phối hợp với các Sở liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức làm việc với lãnh đạo Công ty CP mía đường Sơn Dương bàn các giải pháp điều hành thu hoạch, vận chuyển, đẩy nhanh tiến độ trồng mới, trồng lại,...

UBND các huyện, thành phố đã sớm giao chỉ tiêu trồng mía cho các xã; phối hợp với Công ty CP mía đường Sơn Dương đẩy mạnh phổ biến các chính sách hỗ trợ sản xuất của tỉnh, của doanh nghiệp tới các xã, thôn bản trên toàn vùng nguyên liệu.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các xã, thị trấn đã kiện toàn BCD trồng mía của địa phương, đồng thời xây dựng quy chế làm việc và phân công thành viên Ban chỉ đạo trồng mía phụ trách từng địa bàn cụ thể tuyên truyền vận động nhân dân đẩy mạnh đầu tư trồng mía; đôn đốc, hướng dẫn nhân dân thực hiện trồng, chăm sóc mía đảm bảo đúng thời vụ, kế hoạch.

Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía đã ban hành theo Thông báo số 182/TB-ĐSD-HĐQT ngày 22/8/2015. Đồng thời bổ sung chính sách hỗ trợ nhân dân chuyển đổi đất trồng sắn sang trồng mía 1.000.000 đồng/ha; hỗ trợ khắc phục hạn hán 30.000 đồng/tấn mía cây.

1.2. Thực hiện Quy chế phối hợp giữa Công ty CP mía đường Sơn Dương với các đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Chương trình phối hợp với Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương, Trung tâm Khuyến nông và Trạm Khuyến nông huyện, thành phố tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật thâm canh mía đến thôn bản. Trạm Khuyến nông huyện Hàm Yên tổ chức được 23 lớp tập huấn cho 542 lượt hộ trồng mía.

Trạm Khuyến nông các huyện thực hiện 41 mô hình áp dụng tiến bộ Kỹ thuật mới trong trồng và thâm canh mía (huyện Sơn Dương 05 mô hình, huyện Yên Sơn 01 mô hình, huyện Hàm Yên 12 mô hình, huyện Chiêm Hoá 23 mô hình); thực hiện 01 cánh đồng lớn tại xã Tân Thịnh huyện Chiêm hoá quy mô 10,5 ha/57 hộ. Tích cực tuyên truyền vận động nhân dân về các chính sách hỗ trợ phát triển cây mía của tỉnh, của Công ty.

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương điều chỉnh Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch mía trong đó bổ sung các tiến bộ kỹ thuật mới phù hợp với yêu cầu sản xuất ở mức thâm canh cao.

Trung tâm Khuyến nông thực hiện 01 Chuyên mục trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh về Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc mía; Trạm Khuyến nông huyện Hàm Yên đã in 3.000 tờ rơi Hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc mía phát cho các hộ trồng mía.

Giới thiệu, hướng dẫn Công ty cổ phần Hương Nam Hải Phòng và Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương liên kết xây dựng các mô hình trình diễn và tổ chức cung ứng sản phẩm phân bón thể hệ mới Grow More để nhân dân đầu tư chăm sóc mía. Chỉ đạo Trạm Khuyến nông các huyện, thành phố phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn nhân dân sử dụng phân bón Grow More đúng quy trình, đạt hiệu quả cao.

1.3. Thực hiện phối hợp giữa Công ty CP mía đường Sơn Dương với UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, thị trấn vùng nguyên liệu

Lãnh đạo Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương và lãnh đạo UBND các huyện, thành phố; các đơn vị chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thường xuyên gặp gỡ trao đổi, bàn bạc đánh giá những kết quả thực hiện, những vướng mắc cần giải quyết (Trong thời vụ thu hoạch, trồng mía định kỳ 5 ngày/lần Công ty báo cáo UBND huyện tiến độ thu hoạch, tiến độ phát triển vùng nguyên liệu;

những khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát triển vùng nguyên liệu để kịp thời tháo gỡ).

Phối hợp triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên cũng như các chính sách hỗ trợ phát triển mía đường của Công ty đều được hai bên thường xuyên thông báo cho nhau để thống nhất, phối hợp cùng nhau triển khai thực hiện.

2. Kết quả sản xuất mía đường 2016-2017

2.1. Sản xuất mía

- Diện tích thực hiện 11.225 ha, đạt 92,6% KH, giảm 410 ha so với niên vụ 2015-2016.

- Năng suất bình quân toàn tỉnh đạt 60,9 tấn/ha, bằng 93,7%KH.

- Sản lượng mía đạt 684.514 tấn, bằng 86,8% KH, giảm 7.859 tấn so với niên vụ 2015-2016. Trong đó: Công ty CP Mía đường Sơn Dương thu mua 479.892 tấn, giảm 102.300 tấn so với niên vụ 2015-2016.

(Chi tiết biểu số 01 và phụ biểu 01-1)

2.2. Kết quả chế biến công nghiệp

- Chứa đường đạt bình quân 10,6 CCS, vượt 3,1 % so với kế hoạch và tăng 6,3 % so với niên vụ ép năm 2015- 2016. Đạt tỷ lệ 9,7 mía/1 đường.

- Sản lượng đường kính trắng 52.487 tấn, đạt 82,4% KH, giảm 7.210 tấn so với niên vụ ép năm 2015- 2016. Trong đó:

+ Đường chất lượng cao 27.375 tấn, bằng 70,9% vụ ép năm 2015-2016

+ Đường loại 1 sản lượng 22.056 tấn, bằng 118,7% vụ ép năm 2015- 2016.

+ Đường loại 2 sản lượng 3.056 tấn, bằng 122 % vụ ép năm 2015- 2016.

- Mật rỉ 21.113 tấn, bằng 97,6 % kế hoạch, giảm 3.230 tấn so với niên vụ ép năm 2015- 2016

(chi tiết biểu số 02)

II. Thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu năm 2017

1. Sản xuất, cung ứng giống, phân bón phục vụ sản xuất

- Cung ứng 20.000 tấn mía giống để nhân dân trồng mới, trồng lại, tương đương với 2.200 ha. Trong đó: từ vườn mía giống 5.750 tấn, tương đương 640 ha, chiếm khoảng 29% tổng sản lượng mía giống cung ứng; chọn từ vườn mía nguyên liệu 14.250 tấn, chiếm khoảng 71 % tổng sản lượng mía giống cung ứng.

- Sản xuất, cung ứng phân bón hữu cơ vi sinh đạt 19.000 tấn, đảm bảo lượng phân chăm sóc cho trên 7.600 ha mía.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu năm 2017

- Diện tích kế hoạch giao 12.283 ha, trong đó: Trồng mới 1.153 ha; trồng lại 1.673 ha; mía lưu gốc 9.457 ha.

- Diện tích thực hiện 10.374 ha, đạt 84,5% kế hoạch, trong đó:

+ Trồng mới 845,6 ha, đạt 73,3% KH;

+ Trồng lại 1.371 ha, đạt 82,0% KH;

+ Diện tích mía lưu gốc 8.157 ha, đạt 86,3 % KH.

- Diện tích phê canh: 1.696,6 ha, trong đó: Sơn Dương 397,8 ha; TP Tuyên Quang 96,6 ha; Yên Sơn 402,4 ha; Hàm Yên 204,4 ha; Chiêm Hóa 572,5 ha; Na Hang 12,9 ha; Lâm Bình 10 ha.

(chi tiết biểu số 03)

3. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ của Công ty CP mía đường Sơn Dương

Công ty ký hợp đồng đầu tư với trên 27.000 hộ trồng mía. Năm 2017, công ty đã thực hiện các chính sách đầu tư:

- Đầu tư ứng trước giống, vật tư, làm đất cho các hộ trồng mía 187,44 tỷ đồng

- Hỗ trợ sản xuất 33,708 tỷ đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ hạn hán 14,5 tỷ đồng (mức hỗ trợ 30.000 đồng/tấn).

+ Hỗ trợ chuyên đổi đất, bù giá mía giống, thực hiện mô hình,... 19,208 tỷ đồng

Ngoài ra Công ty thực hiện hỗ trợ không tính lãi đối với đầu tư phân bón ứng trước; Nghiên cứu chính sách thưởng đối với các tổ chức, cá nhân hộ trồng mía có kết quả cao.

III. Đánh giá chung kết quả thực hiện

1. Thuận lợi

- Các địa phương đã kịp thời củng cố Ban Chỉ đạo phát triển mía nguyên liệu ở cơ sở. Cơ bản các Ban Chỉ đạo ở cơ sở hoạt động tốt, phối hợp sát với cán bộ nông vụ của nhà máy và khuyến nông tuyên truyền, vận động nhân dân tổ chức phát triển trồng mía; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Công ty CP mía đường Sơn Dương có bộ chính sách dài hạn; kịp thời hỗ trợ địa phương sửa chữa, nâng cấp đường vận chuyển được chính quyền địa phương và nhân dân đồng tình; cung ứng giống, phân đầy đủ. Thanh toán đúng cam kết.

- Nhà máy đường Hàm Yên đã hoàn thành cải tạo nâng công suất ép từ 2.000 tấn mía/ngày lên 4.000 tấn mía/ngày và đưa vào vận hành khai thác nhà máy điện sinh khối 25 Mwh. Đây là điều kiện thuận lợi để công ty đẩy nhanh

tiến độ tiêu thụ mía nguyên liệu cho nhân dân, nâng cao hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.

- Công ty đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chính sách hỗ trợ chuyển đổi đất trồng mía; công chặt mía giống; thiệt hại do hạn hán¹.

- Chứ đường bình quân đạt mức cao (10,6 CCS) làm giảm mức tiêu hao nguyên liệu từ 9,93 mía/1 đường ở vụ ép năm 2015-2016 xuống còn 9,7 mía/1 đường từ đó giá thành sản xuất đường giảm.

- Giá bán các sản phẩm đường và phụ phẩm tăng so với năm 2016, đường kính trắng giá bán bình quân là 14.594 đồng/kg, tăng 4,6% so với năm 2016; ri mật giá bán bình quân là 2.100 đồng/kg, tăng 18,1% so với 2016.

2. Một số khó khăn, tồn tại

- *Hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp*: Một số địa phương Ban Chỉ đạo chưa sát sao trong kiểm tra, đôn đốc, phối hợp với cán bộ nông vụ tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía. Phân, giao chỉ tiêu kế hoạch của các huyện, thành phố có nơi chưa sát với thực tế. Chưa có mô hình liên kết (tổ, đội hợp tác) trong tổ chức sản xuất mía nguyên liệu.

- *Thu mua, vận chuyển*: Nhà máy tổ chức ép muộn hơn so với các vụ trước² trong khi thời tiết khô hạn kéo dài làm nhiều diện tích mía ra hoa, thời gian thu hoạch kéo dài đến giữa tháng 4, chậm hơn 15 ngày so với yêu cầu làm năng suất mía nguyên liệu giảm³

Đường giao thông nông thôn nhiều nơi xuống cấp, kết cấu đường chịu tải trọng thấp ảnh hưởng đến tiến độ vận chuyển mía nguyên liệu, máy làm đất. Chi phí thuê xe vận chuyển tăng.

Nhiều địa phương thiếu lao động cục bộ ở thời điểm thu hoạch và trồng mới, trồng lại; chi phí thuê lao động thu hoạch cao⁴; có lúc, có nơi còn tình trạng chậm vận chuyển mía nguyên liệu gây bức xúc trong nhân dân.

- *Năng suất mía niên vụ 2016-2017 còn ở mức thấp so với tiềm năng, lợi thế của tỉnh*. Vùng mía nguyên liệu của các nhà máy đường năng suất bình quân chỉ đạt 55,4 tấn/ha, trong đó vùng nguyên liệu của nhà máy đường Sơn Dương chỉ đạt 48,7 tấn/ha. Một số địa phương có diện tích trồng mía lớn, có truyền thống trồng mía nguyên liệu nhiều năm nhưng năng suất đạt thấp như: xã Tam Đa năng suất bình quân đạt 39,3 tấn/ha; xã Quyết Thắng đạt 39,8 tấn/ha; xã Hào Phú đạt 44,9 tấn/ha; xã Tuân Lộ đạt 45,8 tấn/ha; xã Đông Lợi đạt 45,2 tấn/ha; xã Phúc Ứng đạt 46,7 tấn/ha; ...

¹ Hỗ trợ thiệt hại do hạn hán trong vụ mía 2016-2017 mức 30.000 đồng/tấn (Thông báo số 20/TB-ĐSD-HĐQT ngày 28/3/2017); Hỗ trợ 2.000.000đ/ha đối với đất trồng sẵn chuyển sang trồng mía (Thông báo số 176/TB-ĐSD-HĐQT); Hỗ trợ công chặt ngọn giống mía 120.000 đ/tấn (Thông báo số 16/TB-ĐSD-HĐQT ngày 10/02/2017);

² Vụ ép 2014-2015: Nhà máy Hàm Yên ép từ ngày 05/11/2014; nhà máy Sơn Dương ép từ ngày 01/11/2014. Vụ ép 2016 – 2017 Nhà máy Hàm Yên ép từ ngày 23/11/2016; nhà máy Sơn Dương ép từ ngày 25/11/2016.

³ Sản lượng mía thu hoạch sau ngày 15 tháng 3 năm 2017 của cả 2 nhà máy là 104.300 tấn, chiếm 22% tổng sản lượng mía nhà máy thu mua cả vụ ép.

⁴ Chi phí thuê lao động thu hoạch bình quân 260.000 đồng/tấn, chiếm gần 29% tổng thu nhập, gồm: công chặt 3.500 đồng/1 bó (20 kg); công bốc xếp 80.000 - 100.000 đồng/tấn.

- Sử dụng mía nguyên liệu làm giống để trồng mới, trồng lại chiếm tỷ lệ lớn làm ảnh hưởng đến chất lượng vườn mía.

- *Đối với chế biến*: Sản lượng đường chất lượng cao chỉ chiếm 52,1% tổng sản lượng kính trắng, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 64,6% vụ ép 2015-2016.

- *Đối với việc phát triển vùng nguyên liệu mía năm 2017*: Toàn tỉnh thực hiện phát triển vùng nguyên liệu đều không hoàn thành kế hoạch, diện tích toàn tỉnh đạt 10.374 ha, bằng 84,5% KH. Trong đó chỉ tiêu trồng mới chỉ đạt 845,6 ha, bằng 73,3% kế hoạch, đa số các huyện đều không đạt kế hoạch trồng mới trong khi diện tích phế canh đều cao hơn từ 1,3 đến 2 lần diện tích trồng mới.

Chỉ tiêu trồng lại đạt thấp, ở nhiều diện tích mía đã lưu gốc nhiều năm, sâu bệnh nhiều, sức nảy mầm kém nhưng nhân dân vẫn để lưu gốc không đầu tư trồng lại.

- Chưa có hộ trồng mía được hỗ trợ đầu tư trồng, chăm sóc mía theo Nghị quyết 12/2014/NQ –HĐND ngày 07/11/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nguyên nhân

- Công tác quản lý quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch vùng mía nguyên liệu ở nhiều xã còn hạn chế, ở nhiều địa phương xảy ra tình trạng nhân dân phá bỏ mía trồng cây ăn quả không theo quy hoạch. Một số chính quyền cơ sở chưa quyết liệt trong chỉ đạo trồng, chăm sóc mía nên hiệu quả thấp; chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc giúp thôn, hộ trồng mía tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Sự phối hợp giữa Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương với Ban chỉ đạo cấp huyện, xã trong việc rà soát, xây dựng kế hoạch nhiều nơi chưa chặt chẽ, nhiều vùng diện tích đất manh mún, nhỏ lẻ, độ dốc cao, đường vận chuyển khó khăn vẫn được rà soát, đưa vào kế hoạch trồng mía. Lực lượng cán bộ nông vụ địa bàn mỏng.

- Hạn hán kéo dài, tiến độ thu mua mía nguyên liệu vụ ép năm 2016-2017 chậm, kéo dài; chính sách hỗ trợ giá thu mua mía ban hành chậm; thu nhập từ trồng mía chưa thật sự thu hút người dân đầu tư. Một số loại cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía nên nhiều hộ trồng mía chuyển đổi từ cây mía sang trồng bưởi, cam, ... diễn ra nhanh

- Mức đầu tư phân bón cho mía ở mức thấp⁵; nhiều nơi nhân dân không thực hiện làm cỏ, bóc lá cho mía làm tăng mức độ nhiễm sâu bệnh hại, cỏ dại tranh chấp dinh dưỡng với mía. Việc phun phòng trừ sâu bệnh hại của nhân dân chưa chủ động, cán bộ kỹ thuật phải thường xuyên đôn đốc nhắc nhở các hộ thực hiện.

⁵ Vụ mía 2016-2017 toàn tỉnh nhân dân chỉ nhận đầu tư 309,5 tấn đạm; 136,4 tấn kali và 54,77 tấn vôi bột từ Công ty CP mía đường Sơn Dương để trồng, chăm sóc mía nguyên liệu. Mức đầu tư phân hữu cơ khoáng toàn tỉnh bình quân chỉ đạt 80% so với quy trình, một số địa phương như: Hàm Yên, Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang mức đầu tư bình quân chỉ bằng 60 – 65% so với quy trình.

- Công ty không bố trí đủ diện tích trồng mía giống theo kế hoạch dẫn đến phải sử dụng mía nguyên liệu làm giống.

- Việc điều hành máy làm đất, cung ứng giống, phân bón, thu hoạch, vận chuyển ở một số địa phương vẫn chưa hợp lý gây bức xúc cho người dân.

- Trong thời điểm từ tháng 1 đến tháng 3 khi thu hoạch, trồng, chăm sóc mía đồng thời cũng là thời vụ gieo cấy lúa và trồng cây màu vụ Đông Xuân; Chưa cơ giới hóa trong khâu thu hoạch, bóc xếp.

- Chi phí thuê lao động ở một số địa phương cao ảnh hưởng đến thu nhập của người trồng mía.

- Công tác phối hợp giữa khuyến nông cơ sở với nông vụ của nhà máy đường trong việc xây dựng mô hình trình diễn; hướng dẫn nhân dân đầu tư thâm canh; tuyên truyền các tiến bộ kỹ thuật mới để trồng, chăm sóc mía nhiều nơi còn chưa thường xuyên. Hình thức tuyên truyền, phổ biến mở rộng các mô hình thâm canh mía đạt hiệu quả cao chưa được đổi mới dẫn đến sức lan tỏa chậm.

- Phần lớn đất trồng mía là đất dốc nên hạn chế các khâu thâm canh mía, đất thường xuyên bị hạn; đường vận chuyển khó khăn và phải chi phí thêm khoản vận chuyển từ vườn mía đến đường xe ô tô làm giảm lợi nhuận của người trồng mía nên khi có cây trồng khác mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, vì lợi ích trước mắt người dân dễ dàng bỏ cây mía.

- Áp dụng cơ giới hóa trong làm đất chưa được triệt để do đất đai manh mún, độ dốc lớn; thu hoạch không đúng kỹ thuật làm giảm năng suất và giảm khả năng tái sinh của mía lưu gốc.

- Việc cải tạo, thay thế những giống bị thoái hóa, có năng suất, chất lượng thấp còn chậm. Cơ cấu giống mía chưa phù hợp với khả năng ép và kế hoạch ép của nhà máy, các giống mía chín sớm chiếm tới 55,8% diện tích toàn vùng; các giống chín chính vụ chiếm 35,4 % diện tích toàn vùng và các giống chín muộn chỉ có 8,8% diện tích toàn vùng.

- Chính sách hỗ trợ sản xuất theo Nghị quyết 12/2014/NQ-HDND chưa được thực hiện do diện tích mía của hộ sản xuất nhỏ dẫn đến định mức vốn được vay của hộ thấp; đồng thời Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương đang có chính sách đầu tư cho vay giống, phân bón nên nhân dân không có nhu cầu vay thêm vốn.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển vùng nguyên liệu niên vụ 2017-2018

1. Nhiệm vụ:

(1) Tập trung đôn đốc nhân dân chăm sóc, bón phân thúc cho mía đúng quy trình (*đảm bảo mỗi ha từ 150 – 200 kg phân Ure, 80-100 kg kali clorua và sử dụng bổ sung thêm phân Grow More*); phòng trừ dịch hại cho mía đảm bảo

năng suất mía nguyên liệu niên vụ năm 2017-2018 bình quân đạt 66,7 tấn/ha trở lên; sản lượng mía đạt 692.000 tấn.

(2) Rà soát quỹ đất trong quy hoạch, đề xuất chỉ tiêu kế hoạch trồng mới, trồng lại năm 2018 sớm trong tháng 8/2017 đảm bảo vùng nguyên liệu phù hợp với công suất chế biến của các nhà máy. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch; trồng mới, trồng lại mía nguyên liệu xong trong tháng 3 năm 2018.

(3) Theo dõi sát tình hình sinh trưởng, phát triển của mía trong vùng nguyên liệu. Khẩn trương duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; chuẩn bị tốt nhân lực, xe vận chuyển, ... để tổ chức thu hoạch, thu mua ngay khi mía chín đạt tiêu chuẩn, đảm bảo thu hoạch mía nguyên liệu vụ ép 2017-2018 xong trong tháng 3 năm 2018.

2. Giải pháp:

(1) Tập trung chăm sóc, bón phân cho mía đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, phát hiện sâu bệnh hại mía, tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

(2) Tổ chức trồng mía giống vụ hè đảm bảo đủ giống phục vụ sản xuất năm 2018, hạn chế tối đa việc sử dụng mía nguyên liệu làm giống. Trong bố trí kế hoạch trồng mía giống phải chú ý đến cơ cấu giống dài vụ thu hoạch phù hợp cho từng vùng nguyên liệu và công suất ép của nhà máy; khắc phục tình trạng thiếu lao động cục bộ ở thời điểm thu hoạch.

(3) Rà soát các tuyến đường vận chuyển mía, bố trí sớm kế hoạch để tổ chức sửa chữa, nâng cấp đường tại các vùng nguyên liệu mía.

(4) Đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình trồng mía điển hình tiên tiến; phổ biến các kỹ thuật tiên bộ trong trồng, thâm canh mía đạt hiệu quả cao các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân học tập, nhân rộng.

(5) Rà soát chi tiết diện tích đất để bố trí kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu năm 2018 với phương châm lựa chọn những diện tích đất phù hợp cho cây mía phát triển; thuận lợi cho việc đầu tư thâm canh tăng năng suất, thu hoạch, vận chuyển. Đồng thời bổ sung thêm máy làm đất; chuẩn bị đầy đủ giống, phân bón kịp thời cung ứng để nhân dân trồng, chăm sóc mía.

(6) Nghiên cứu xây dựng quy trình cơ giới hóa đồng bộ, phù hợp với từng địa bàn để giảm nhanh lao động thủ công; xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ tưới chủ động ở các vùng trọng điểm mía nguyên liệu.

(7) Triển khai thực hiện các dự án cánh đồng lớn sản xuất mía giống, mía nguyên liệu theo kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 10/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhân rộng mô hình Hợp tác xã sản xuất, tiêu thụ mía nguyên liệu.

(8) Lựa chọn, nhân nhanh các giống mía tốt ra sản xuất; bố trí cơ cấu giống dài vụ hợp lý để kéo dài thời gian ép, tăng chất lượng nguyên liệu đầu vào.

3. Tổ chức thực hiện.

3.1. Đề nghị thành viên Ban Chỉ đạo phát triển mía đường tỉnh:

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển vùng nguyên liệu mía đường tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020; kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan đến thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía.

Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu gắn với nhà máy chế biến, nâng cao hiệu quả đầu tư. Thực hiện cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đời sống của người lao động.

3.2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo sản xuất vùng mía nguyên liệu cấp huyện, cấp xã. Thường xuyên kiểm tra công tác của thành viên BCD cấp huyện và Ban chỉ đạo cấp xã để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức sản xuất.

- Phổ biến quy hoạch vùng nguyên liệu mía đường đến từng thôn, bản; chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nhân dân biết và thực hiện. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân dồn đổi, tích tụ đất đai để đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía tập trung.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn tập trung đôn đốc, hướng dẫn nhân dân đẩy mạnh đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía; thường xuyên kiểm tra đồng ruộng kịp thời phát hiện sâu bệnh hại mía và tổ chức phòng trừ hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển đổi những diện tích trồng trọt kém hiệu quả, cây trồng có thị trường tiêu thụ bấp bênh sang trồng mía nguyên liệu. Phối hợp với Công ty CP Mía đường Sơn Dương thực hiện rà soát và đề xuất kế hoạch trồng mới, trồng lại cụ thể đến xã, thôn bản.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông, Công ty CP Mía đường Sơn Dương tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất của tỉnh, của công ty. Triển khai thực hiện các dự án cánh đồng lớn theo kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 10/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hỗ trợ đầu tư trồng mía nguyên liệu theo Nghị quyết 12/2014/NQ-HĐND ngày 07/11/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty phát triển liên kết với các nhóm hộ, Tổ hợp tác và tiến tới hình thành Hợp tác xã trồng mía nguyên liệu.

3.3. Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương:

- Củng cố hệ thống nông vụ, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu điều hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc trồng, thu mua nguyên liệu mía cho dân.

- Tập trung đôn đốc nhân dân chăm sóc, bón phân cho mía đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật; theo dõi sát thông báo, dự báo tình hình dịch hại của cơ quan

chuyên môn để tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả. Đảm bảo năng suất mía nguyên liệu niên vụ 2017-2018 bình quân đạt 66 tấn/ha trở lên.

- Phối hợp với các địa phương rà soát quỹ đất, tổ chức trồng mía giống vụ hè đảm bảo đủ giống phục vụ sản xuất. Trong đó bố trí kế hoạch trồng mía giống phải chú ý đến cơ cấu giống dải vụ thu hoạch phù hợp cho từng vùng nguyên liệu và công suất ép của nhà máy.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo trồng mía các huyện, xã rà soát đề xuất kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu năm 2018 xong trong tháng 8/2017. Rà soát các tuyến đường vận chuyển mía, bố trí sớm kế hoạch để phối hợp với các địa phương tổ chức sửa chữa, nâng cấp đường tại các vùng nguyên liệu mía.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ sản xuất, giá thu mua phù hợp với thực tế, hài hòa lợi ích giữa công ty và người trồng mía để khuyến khích, thu hút nhân dân đầu tư trồng mía ổn định. Tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện cơ chế chính sách của tỉnh, công ty và thực hiện ký kết hợp đồng với hộ trồng mía.

- Chủ động phối hợp với Trung tâm Khuyến nông xây dựng các mô hình thâm canh mía đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao để nhân dân thăm quan, học tập nhân rộng vào sản xuất. Phối hợp với các địa phương thực hiện các Dự án cánh đồng lớn mía giống, mía nguyên liệu ở địa bàn các huyện, thành phố để có mô hình hiệu quả nhân ra diện rộng.

- Nghiên cứu, có chính sách hỗ trợ phù hợp và phối hợp với địa phương thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã sản xuất mía nguyên liệu. Đề xuất các hình thức liên kết sản xuất, tiêu thụ mía nguyên liệu hiệu quả giữa nhà máy và nông dân

- Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng cho cơ sở nghiên cứu, sản xuất mía giống đảm bảo cung ứng đủ giống mía tốt phục vụ sản xuất. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương đề xuất các công trình tưới cho vùng nguyên liệu mía tập trung.

- Tiếp tục đánh giá các giải pháp kỹ thuật tiên bộ, phù hợp điều kiện canh tác ở địa phương để chuyển giao vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng mía nguyên liệu, giảm chi phí sản xuất.

3.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ động phối hợp với thành viên Ban Chỉ đạo phát triển mía đường của tỉnh thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Công ty CP mía đường Sơn Dương; Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện phát triển vùng nguyên liệu mía theo đúng kế hoạch. Kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong phát triển mía nguyên liệu ở địa phương.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản; các dự án cánh đồng lớn; kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng vùng sản xuất hàng hóa.

- Làm tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo sâu bệnh hại trên mía. Đề xuất các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại trên mía hiệu quả, an toàn; kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn bộ phận nông vụ của công ty và các địa phương tổ chức phòng trừ khi sâu bệnh phát sinh trên vùng nguyên liệu và hướng dẫn nhân dân sử dụng các loại thuốc BVTV đặc trị sâu bệnh trên cây mía, đảm bảo không để sâu bệnh thành dịch làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng mía.

- Chỉ đạo hệ thống khuyến nông đẩy mạnh thực hiện Chương trình phối hợp với hệ thống nông vụ trong việc tuyên truyền, hướng dẫn đầu tư thâm canh mía, thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất mía của tỉnh, của Công ty. Phối hợp xây dựng mô hình trình diễn về: giống mới, phân bón, biện pháp canh tác, tưới mía và tuyên truyền nhân rộng mô hình câu lạc bộ trồng mía trên 80 tấn/ha tại huyện Sơn Dương, trên 100 tấn/ha tại huyện Chiêm Hóa...

- Thực hiện các Chuyên mục khuyến nông trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh về hướng dẫn kỹ thuật trồng, thâm canh, chăm sóc và thu hoạch mía; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất mía.

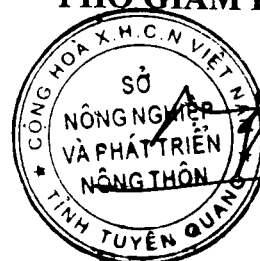
- Tổ chức tập huấn cho người trồng mía theo mùa vụ sản xuất. Tập trung hướng dẫn các hộ chăm sóc mía, phòng trừ sâu bệnh hại mía và thu hoạch mía đúng thời điểm để tăng năng suất mía của tỉnh. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân sử dụng phân bón Grow more đúng kỹ thuật, đạt hiệu quả cao.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh; (B/c)
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cty CP mía đường Sơn Dương;
- Phòng KH-TC;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Lưu VT; TTBVTV

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Việt

Biểu số 01

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG MÍA NGUYÊN LIỆU NIÊN VỤ 2016-2017*(Kèm theo Báo cáo số 997 /BC-SNN ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

STT	Huyện	Kế hoạch			Thực hiện			So sánh TH/KH		
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích tăng, giảm (%)	Năng suất tăng, giảm (%)	Sản lượng, tăng, giảm (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
1	Huyện Sơn Dương	4.122	586,8	241.878	3.758	527,6	198.261	91,2	89,9	82,0
2	Huyện Yên Sơn	2.370	681,3	161.470	1.995	663,1	132.282	84,2	97,3	81,9
3	Thành phố Tuyên Quang	337	669,5	22.561	283	546,0	15.475	84,1	81,6	68,6
4	Huyện Hàm Yên	1.161	687,4	79.807	1.050	605,1	63.562	90,5	88,0	79,6
5	Huyện Chiêm Hoá	3.913	690,9	270.340	3.936	674,8	265.596	100,6	97,7	98,2
6	Huyện Na Hang	122	564,2	6.883	114	450,4	5.134	93,4	79,8	74,6
7	Huyện Lâm Bình	92	575,8	5.297	89	475,0	4.204	96,2	82,5	79,4
	Tổng hợp toàn tỉnh	12.117	650,5	788.236	11.225	609,8	684.514	92,6	93,7	86,8

Phụ biểu số 1-1:

**SO SÁNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT NIÊN VỤ ÉP 2016-2017
VÙNG NGUYÊN LIỆU CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số **997** /BC-SNN ngày **19** tháng 5 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	HUYỆN	Diện tích (ha)			Năng suất (tấn/ha)			Sản lượng (tấn)			Mức đầu tư phân hữu cơ khoáng bình quân cho 1 ha (kg/ha)	Diện tích trồng mới niên vụ 2016-2017	Diện tích phế canh (ha)		So sánh phế canh 2017 /2016 (%)	So sánh DT phế canh 2017 /DT trồng mới 2017 (%)
		Niên vụ ép năm 2016	Niên vụ ép năm 2017	So sánh 2017 /2016 (%)	Niên vụ ép năm 2016	Niên vụ ép năm 2017	So sánh 2017 /2016 (%)	Niên vụ ép năm 2016	Niên vụ ép năm 2017	So sánh 2017 /2016 (%)			Niên vụ ép năm 2016	Niên vụ ép năm 2017		
1	Huyện Sơn Dương	3.505,0	3.624	103,4	64,1	48,7	76,0	224.835	176.575	78,5	1.900	314,0	260	397,8	153,0	126,7
2	Huyện Yên Sơn	1.259,0	985	78,2	65,9	55,0	83,4	82.971	54.129	65,2	1.640	150,2	226,1	402,4	178,0	267,9
3	Thành phố Tuyên Quang	356,0	312	87,6	68,7	52,4	76,3	24.446	16.336	66,8	1.690	17,7	32,6	96,6	296,3	545,8
4	Huyện Hàm Yên	1.010,0	784	77,6	61,2	57,4	93,8	61.768	44.981	72,8	1.600	124,5	155,6	204,4	131,4	164,2
5	Huyện Chiêm Hoá	2.973,0	2.824	95,0	64,9	64,0	98,6	193.042	180.890	93,7	2.290	216,9	135,8	572,5	421,6	263,9
6	Huyện Na Hang	66,4	54	80,6	48,1	53,0	110,2	3.192	2.835	88,8	2.910	7,3	13,2	12,9	97,7	176,7
7	Huyện Lâm Bình	83,0	79	95,3	53,1	52,4	98,7	4.405	4.146	94,1	2.150	15,0	7,1	10	140,8	66,7
	Tổng hợp toàn tỉnh	9.252	8.661	93,6	64,3	55,4	86,2	594.659	479.892	80,7	2.030	845,6	830,4	1.696,6	204,3	200,6

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU VỤ ÉP 2016/2017
CỦA CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 997/BC-SNN ngày 19/5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 2015 -2016	KH vụ 2016-2017	TH vụ 2016 -2017	So sánh	
						TH 16- 17/ TH 15-16	TH 16-17/ KH 16-17
A	B	C	1	4	7	10=7/1	11=7/4
I	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP						
1	Diện tích thu hoạch	Ha	9.971	10.047	9.381	94,1	93,4
-	Diện tích mía nguyên liệu	Ha	9.779	9.947	9.225	94,3	92,7
	Trong đó: trong tỉnh Tuyên Quang	Ha	9.271	10.227	8.717	94,0	85,2
-	Diện tích mía vườn giống	Ha	192	100	155,9	81,2	155,9
1.1	<i>Diện tích theo thổ nhưỡng</i>		9.971	10.047	9.381	94,1	93,4
-	Đất bãi	Ha	1.071	1.301	1.056	98,6	81,2
-	Đất ruộng	Ha	585	624	572	97,9	91,7
-	Đất đồi	Ha	8.315	8.122	7.753	93,2	95,4
1.2	<i>Diện tích theo cơ cấu giải vụ</i>	<i>Ha</i>	9.971	10.047	9.381	94,1	93,4
-	Chín sớm	Ha	5.350	5.117	5.235	97,8	102,3
-	Chín trung bình	Ha	3.363	3.423	3.322	98,8	97,1
-	Chín muộn	Ha	1.257	1.507	824	65,5	54,7
2	Năng suất bình quân				-		
-	Mía nguyên liệu	Tấn/ha	63,5	63	54,47	85,8	86,5
-	Mía giống hè	Tấn/ha	43	40	37	85,3	92,2
3	Sản lượng mía		-		-		
3.1	<i>Mía nguyên liệu</i>	<i>Tấn</i>	607.520	635.000	502.514	82,7	79,1
	Trong đó: Trong tỉnh Tuyên Quang	Tấn	595.979		494.720	83,0	
3.2	<i>Mía giống</i>	<i>Tấn</i>	21.400	22.000	20.000	93,5	90,9
-	Mía giống lấy từ mía nguyên liệu	Tấn	13.100	22.000	14.250	108,8	64,8
-	Mía giống lấy từ vườn giống	Tấn	8.300	4.000	5.750	69,3	143,8
II	CHẾ BIẾN CÔNG NGHIỆP				-		
1	Sản phẩm sản xuất				-		
1.1	<i>Sản phẩm Đường</i>	<i>Tấn</i>	59.697	63.690	52.487	87,9	82,4
-	Đường chất lượng cao	Tấn	38.612		27.375	70,9	
-	Đường loại 1	Tấn	18.581		22.056	118,7	
-	Đường loại 2	Tấn	2.505		3.056	122,0	
-	Đường C	Tấn	57		-	-	
1.2	<i>Mật ri</i>	<i>Tấn</i>	24.343	21.638	21.113	86,7	97,6
1.3	<i>Phân bón HCK</i>	<i>Tấn</i>	20.116	24.000	19.000	94,5	79,2
3	Tiêu hao mía/đường	M/Đ	9,93	9,72	9,7	98,0	100,1
4	Chữ đường bình quân	CCS	9,97	10,3	10,6	106,3	103,1
5	Giá bán cả thuế bình quân				-		
-	Đường trắng	đ/kg	13.955	13.800	14.594	104,6	105,8
-	Mật ri	đ/kg	1.778	1.700	2.100	118,1	123,5

Biểu số 03:

BIỂU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU MÍA NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 997/BC-SNN ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T. Phó T. Quang	Hàm Yên	Chiêm Hoá	Na Hang	Lâm Bình
1	Diện tích kế hoạch	ha	12.283,3	4.085	2.145	376	1.230	4.286	72	89
	Trong đó: Diện tích trồng mới	ha	1.153,0	450,0	150,0	23,0	180,0	350,0		
	Diện tích trồng lại	ha	1.673,0	585,0	200,0	62,0	197,0	600,0	13,0	16,0
	Diện tích lưu gốc	ha	9.457,3	3.050,3	1.794,9	290,9	853,4	3.336,1	59,2	72,5
2	Diện tích thực hiện	ha	10.374,3	3.674,1	1.742,7	204,5	970,5	3.580,5	108,5	93,5
	Đạt % so với KH	%	84,5	89,9	81,2	54,4	78,9	83,5	150,2	105,6
2.1	Diện tích trồng mới	ha	845,6	314,0	150,2	17,7	124,5	216,9	7,3	15,0
	Đạt % KH	%	73,3	69,8	100,1	77,0	69,2	62,0		
2.2	Diện tích trồng lại	ha	1.371,6	523,0	201,5	49,4	96,1	488,1	2,4	11,1
	Đạt % KH	%	82,0	89,4	100,8	79,7	48,8	81,4	18,5	69,4
2.3	Diện tích lưu gốc	ha	8.157,1	2.837,1	1.391,0	137,4	749,9	2.875,5	98,8	67,4
	Đạt % KH	%	86,3	93,0	77,5	47,2	87,9	86,2	166,8	93,0
3	Diện tích phế canh	ha	1.696,6	397,8	402,4	96,6	204,4	572,5	12,9	10,0